TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn

2. Bà Hoàng Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Xuân C *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28/9/2021 và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 27/3/2020, bà Lê Thị Thu H có cho bà Nguyễn Thị Kim O vay số tiền 700.000.000 đồng, hẹn đến ngày 27/4/2020 sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng. Hợp đồng vay tiền bà O có ký và viết họ tên tại mục bên vay, Tuy nhiên, đến hạn bà O chỉ trả cho bà H số tiền 658.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi bà O không chịu thanh toán. Khi bà O trả số tiền 658.000.000 đồng thì bà H có ghi lại phía dưới dòng số "42.000.000đ" và bà O có ký xác nhận, không ghi họ tên. Do đó, bà H khởi kiện để yêu cầu bà O phải thanh toán số tiền còn nợ lại 42.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền 700.000.000đ từ ngày 27/3/2020 đến 27/4/2020 và lãi suất của 42.000.000 đồng từ ngày 28/4/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà O phải thanh toán 42.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền còn nợ 42.000.000 đồng kể từ ngày chậm trả 28/4/2020 tạm tính đến thời điểm xét xử và lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định 10%/năm (không yêu cầu bà O phải thanh toán số tiền lãi trên số nợ 700.000.000 đồng từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/4/2020). Việc vay mượn tiền chỉ có bà H và bà O tham gia, do đó bà H không có yêu cầu đối với chồng bà O là ông Phan Xuân C phải thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O và người liên quan là ông Phan Xuân C. Tuy nhiên, bà O và ông C vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465,Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị Kim O về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bà Nguyễn Thị Kim O phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Thu H số tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 28/4/2020 đến ngày 30/6/2022. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim O phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong nợ gốc.

Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu 2.556.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

[2]1.2. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và người liên quan: Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ đối với bị đơn, người có liên quan để có mặt tại phiên tòa nhưng bị đơn và người liên quan vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiên:

2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay và thời hạn trả nợ:

[3]Ngày 27/3/2020, bà Nguyễn Thị Kim O có ký hợp đồng vay tiền với bà Lê Thị Thu H theo nội dung thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Kim O vay của bà Lê Thị Thu H tổng số tiền 700.000.000 đồng; Thời hạn vay 30 ngày sẽ trả đủ. Khi vay, bà O ký và viết họ tên tại mục "Bên vay". Đến thời hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị Kim O mới thanh toán 658.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 42.000.000 đồng tiền gốc nên bà H có viết dòng chữ "42.000.000đ" ở phía dưới và bà O có ký xác nhận vào nhưng không ghi họ tên. Như vậy, giữa bà Lê Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Kim O có phát sinh hợp đồng vay tiền (tài sản) và thời hạn phải thanh toán là ngày 27/4/2020.

[4]Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng…"

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

[5]Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cũng như các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà O vẫn không tham gia tố tụng, không có ý kiến cũng như cung cấp các chứng cứ chứng mình để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sư quy định:

…

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7]Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là phù hợp, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các bên là có thật, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ bà O mới chỉ thanh toán số tiền 658.000.000 đồng (vay 700.000.000 đồng), còn nợ lại 42.000.000 đồng mà không thanh toán cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã giao kết. Việc bà Nguyễn Thị Kim O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại (42.000.000 đồng) cho bà Lê Thị Thu H khi đến hạn là vi phạm cam kết và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền gốc còn lại là 42.000.000 đồng đã vay là có căn cứ và cần chấp nhận.

2.2. Về khoản tiền lãi phải thanh toán:

[8]Theo nguyên đơn, khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, không ghi vào trong hợp đồng vay tiền. Do bị đơn không hợp tác nên không xác định được việc các bên có hay không có thỏa thuận lãi suất nên cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và không có lãi suất. Việc nguyên đơn bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu lãi suất của số tiền còn nợ 42.000.000 đồng kể từ ngày vi phạm hợp đồng ngày 28/4/2020 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần buộc và Nguyễn Thị Kim O phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H khoản tiền lãi từ ngày 28/4/2020 cho đến ngày 30/6/2022 theo khoản 2 Điều 468 (42.000.000 đồng x 2 năm 2 tháng 2 ngày x 10%/năm = 9.123.000 đồng và sau ngày 30/6/2022 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc.

[9]2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm (51.123.000 đồng x 5% = 2.556.000 đồng).

[10]Đối với ông Phan Xuân C: bà Lê Thị Thi H xác định ông C không tham gia thỏa thuận vay tiền, nên không yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp

[11]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465,Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H đối với bà Nguyễn Thị Kim O về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim O phải thanh toán cho bà Lê Thị Thu H tổng số tiền là 51.123.000 đồng (Năm mươi mốt triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó: số nợ gốc là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) và nợ tiền lãi chưa thanh toán là 9.123.000 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi ba nghìn đông).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim O phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp 2.556.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) tiền án phí. Trả lại cho bà Lê Thị Thu H số tiền 1.342.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000588 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng